

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên
Bà Quek Guet Nghoh	Ủy viên
Ông Tsui Wing Fai	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Số: 230322.004/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 17 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		134.138.647.557	96.583.502.154
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.129.476.056	16.792.455.825
111	1. Tiền		14.129.476.056	8.792.455.825
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	8.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.229.013.850	34.840.869.689
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.624.760.022	28.185.826.265
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.123.401	5.487.909.202
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.941.099.965	1.512.103.760
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(344.969.538)	(344.969.538)
140	IV. Hàng tồn kho	8	86.011.137.685	44.469.298.709
141	1. Hàng tồn kho		86.251.185.413	44.712.491.909
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(243.193.200)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		769.019.966	480.877.931
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	128.754.056	74.498.130
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		241.897.009	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	398.368.901	406.379.801
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.958.584.372	38.248.039.860
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000	20.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	20.000.000	20.000.000
220	II. Tài sản cố định		15.392.121.621	18.833.026.908
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.392.121.621	18.833.026.908
222	- Nguyên giá		78.367.728.942	76.936.097.960
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.975.607.321)	(58.103.071.052)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	1.203.817.799	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.203.817.799	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	18.150.014.246	18.400.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.850.000.000)	(8.600.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.192.630.706	994.998.706
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.192.630.706	994.998.706
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		170.097.231.929	134.831.542.014

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.592.280.770	20.002.908.607
310	I. Nợ ngắn hạn		59.592.280.770	20.002.908.607
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.082.171.047	5.700.999.633
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	471.908.599	692.656.517
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.397.116.345	4.357.851.745
314	4. Phải trả người lao động		5.557.400.303	6.172.245.168
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.806.903.732	2.286.861.369
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	24.102.037.574	342.527.425
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	21.870.776.420	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		303.966.750	449.766.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.504.951.159	114.828.633.407
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	110.504.951.159	114.828.633.407
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		17.422.362.472	5.638.843.012
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.527.424.969	35.634.626.677
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		7.242.503.017	7.237.094.376
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		12.284.921.952	28.397.532.301
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		170.097.231.929	134.831.542.014

[Signature]

[Signature]



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng Tài chính -
Kế toán

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	376.789.645.371	357.404.179.132
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	12.495.018.878	11.055.833.577
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		364.294.626.493	346.348.345.555
11	4. Giá vốn hàng bán	23	292.654.531.870	258.667.285.867
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.640.094.623	87.681.059.688
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	223.887.823	1.016.176.440
22	7. Chi phí tài chính	25	8.321.169.088	11.239.417.811
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		272.803.719	253.697.715
25	8. Chi phí bán hàng	26	10.323.897.299	11.947.797.578
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15.664.527.850	16.418.755.530
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.554.388.209	49.091.265.209
31	11. Thu nhập khác	28	555.944.938	240.083.704
32	12. Chi phí khác		-	59.700
40	13. Lợi nhuận khác		555.944.938	240.024.004
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.110.333.147	49.331.289.213
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	7.690.633.695	10.052.890.412
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		30.419.699.452	39.278.398.801
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.194	5.415

[Signature]

[Signature]



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng Tài chính -
Kế toán

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		368.729.605.697	353.157.402.703
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(312.383.417.898)	(233.904.470.271)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.712.074.315)	(35.082.539.748)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(259.215.207)	(281.745.626)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.232.890.412)	(8.743.351.969)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.609.303.908	1.257.697.784
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(27.409.241.527)	(28.360.585.318)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>7.342.070.246</i>	<i>48.042.407.555</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.210.401.323)	(2.667.172.338)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		124.010.452	392.848.930
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(3.086.390.871)</i>	<i>(2.274.323.408)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		49.419.359.481	23.701.528.607
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(27.548.583.061)	(43.364.608.097)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.772.035.000)	(21.735.946.500)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>98.741.420</i>	<i>(41.399.025.990)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>4.354.420.795</i>	<i>4.369.058.157</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.792.455.825	12.448.616.472
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(17.400.564)	(25.218.804)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>21.129.476.056</u>	<u>16.792.455.825</u>

Đỗ Thị Lê Mai

Nguyễn Thị Thùy Dương



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng Tài chính -
Kế toán

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 72.539.110.000 đồng; trong đó có 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 290 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 289 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, phải trả về chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	161.396.087	110.712.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.968.079.969	8.681.743.234
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	8.000.000.000
	<u>21.129.476.056</u>	<u>16.792.455.825</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 7.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.014.246	(8.850.000.000)	27.000.014.246	(8.600.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	27.000.000.000	(8.850.000.000)	27.000.000.000	(8.600.000.000)
	14.246	-	14.246	-
	27.000.014.246	(8.850.000.000)	27.000.014.246	(8.600.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.
Theo Nghị quyết số 117A/2019/NQ-HĐQT/PHN ngày 22 tháng 05 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đã thông qua phương án tăng vốn tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) và không tham gia góp vốn trong đợt tăng vốn này. Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là 9,8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	2.488.330.267	-	-	-
Keo Sivanhthong	3.970.036.780	-	1.717.291.240	-
GPI International Limited	3.754.392.189	-	11.623.454.530	-
Phải thu khách hàng khác	13.412.000.786	(344.969.538)	14.845.080.495	(344.969.538)
	<u>23.624.760.022</u>	<u>(344.969.538)</u>	<u>28.185.826.265</u>	<u>(344.969.538)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>6.242.722.456</u>	<u>-</u>	<u>11.625.150.037</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>				

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	25.079.452	-	52.273.973	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	227.266.350	-	162.140.043	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	31.729.106	-	28.088.477	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	16.392.919	-	14.271.069	-
Tạm ứng	331.968.696	-	225.883.811	-
Ký cược, ký quỹ	2.036.815.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	271.848.442	-	29.446.387	-
	<u>2.941.099.965</u>	<u>-</u>	<u>1.512.103.760</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>271.748.442</u>	<u>-</u>	<u>7.464.688</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	31.160.789	-	31.160.789	-
- Các khoản khác	275.188.510	12.920.141	275.188.510	12.920.141
	<u>357.889.679</u>	<u>12.920.141</u>	<u>357.889.679</u>	<u>12.920.141</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.553.367.307	(240.047.728)	34.903.514.332	(243.193.200)
Công cụ, dụng cụ	61.030.663	-	92.353.173	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.655.978.015	-	2.483.243.710	-
Thành phẩm	6.212.100.752	-	5.414.432.725	-
Hàng hoá	4.767.052.864	-	1.625.130.253	-
Hàng gửi đi bán	1.655.812	-	193.817.716	-
	<u>86.251.185.413</u>	<u>(240.047.728)</u>	<u>44.712.491.909</u>	<u>(243.193.200)</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1.045.132.335	-
- Máy cắt via ống kẽm R6	1.045.132.335	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	158.685.464	-
- Sửa chữa lò điện nấu kẽm	158.685.464	-
	<u>1.203.817.799</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.130.196.578		9.577.673.909		10.698.882.349		-			8.988.138
Thuế Nhập khẩu	398.368.901		-		235.931.540		235.931.540		398.368.901			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		2.852.890.412		7.690.633.695		9.232.890.412		-			1.310.633.695
Thuế Thu nhập cá nhân	-		345.128.920		875.364.338		1.165.925.929		-			54.567.329
Thuế Tài nguyên	-		1.743.200		5.789.000		7.532.200		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.199.509.044		3.199.509.044		-			-
Các loại thuế khác	8.010.900		-		12.010.900		4.000.000		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		27.892.635		13.400.201		18.365.653		-			22.927.183
	406.379.801		4.357.851.745		21.610.312.627		24.563.037.127		398.368.901			1.397.116.345

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	73.373.226	1.541.659
Chi phí mua bảo hiểm	15.380.830	17.956.471
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	40.000.000	55.000.000
	<u>128.754.056</u>	<u>74.498.130</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	139.894.897	44.597.275
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	977.974.496	874.304.254
Chi phí trả trước dài hạn khác	74.761.313	76.097.177
	<u>1.192.630.706</u>	<u>994.998.706</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Văn Nguyên Bằng Tường Trung Quốc	358.231.940	358.231.940	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nguyên Hưng Phát	321.750.000	321.750.000	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại Thành phố Hồ Chí Minh	618.750.000	618.750.000	921.492.000	921.492.000
Công ty TNHH Hoá chất Ngọc Việt	815.467.400	815.467.400	708.861.245	708.861.245
Phải trả các đối tượng khác	967.971.707	967.971.707	4.070.646.388	4.070.646.388
	<u>3.082.171.047</u>	<u>3.082.171.047</u>	<u>5.700.999.633</u>	<u>5.700.999.633</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	<u>1.222.745.992</u>	<u>1.222.745.992</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	306.597.735	-
Người mua khác trả tiền trước	165.310.864	692.656.517
	<u>471.908.599</u>	<u>692.656.517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	57.776.038.310	6.634.358.231	438.570.252	76.936.097.960
- Mua trong năm	-	2.390.320.738	-	-	2.390.320.738
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	133.180.190	-	-	133.180.190
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.091.869.946)	-	-	(1.091.869.946)
Số dư cuối năm	12.087.131.167	59.207.669.292	6.634.358.231	438.570.252	78.367.728.942
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.087.131.167	40.959.251.648	4.800.464.616	256.223.621	58.103.071.052
- Khấu hao trong năm	-	5.497.052.103	423.630.108	43.724.004	5.964.406.215
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.091.869.946)	-	-	(1.091.869.946)
Số dư cuối năm	12.087.131.167	45.364.433.805	5.224.094.724	299.947.625	62.975.607.321
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	16.816.786.662	1.833.893.615	182.346.631	18.833.026.908
Tại ngày cuối năm	-	13.843.235.487	1.410.263.507	138.622.627	15.392.121.621

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.260.431.507 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 là 40.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	13.588.512	-
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	2.239.120.581	1.760.085.458
- Chi phí phải trả khác	554.194.639	526.775.911
	<u><u>2.806.903.732</u></u>	<u><u>2.286.861.369</u></u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	148.745.388	96.781.170
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.423.533.613	35.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.371.088.200	49.741.500
- Quỹ xã hội	29.264.751	91.764.751
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	108.000.000	69.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.405.622	240.004
	<u><u>24.102.037.574</u></u>	<u><u>342.527.425</u></u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	<u><u>11.414.608.103</u></u>	<u><u>-</u></u>

T
P
H
M
S

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì (1)	-	-	9.048.583.061	2.048.583.061	7.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (2)	-	-	40.370.776.420	25.500.000.000	14.870.776.420	14.870.776.420
	-	-	49.419.359.481	27.548.583.061	21.870.776.420	21.870.776.420

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 3180-LAV-202102080 ngày 26/11/2021 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 26/11/2022;
 - + Lãi suất cho vay: cụ thể trên từng giấy nhận nợ theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 7.000.000.000 đồng;
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

- (2) Hợp đồng tín dụng số LAV210080619 ngày 10/11/2021 và Phụ lục đính kèm giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 09/11/2022;
 - + Lãi suất cho vay: quy định tại Khế ước nhận nợ và thay đổi theo Thông báo của Ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 654.194,00 USD tương đương 14.870.776.420 đồng;
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	4.338.843.012	19.917.960.876	97.811.967.606
Lãi trong năm trước	-	-	-	39.278.398.801	39.278.398.801
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.300.000.000	(1.800.000.000)	(500.000.000)
Trả cổ tức lần 2 năm 2019	-	-	-	(10.880.866.500)	(10.880.866.500)
Trả cổ tức lần 1 năm 2020	-	-	-	(10.880.866.500)	(10.880.866.500)
Số dư cuối năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	5.638.843.012	35.634.626.677	114.828.633.407
Số dư đầu năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	5.638.843.012	35.634.626.677	114.828.633.407
Lãi trong năm nay	-	-	-	30.419.699.452	30.419.699.452
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	11.783.519.460	(12.433.519.460)	(650.000.000)
Trả cổ tức lần 2 năm 2020 (*)	-	-	-	(10.880.866.500)	(10.880.866.500)
Trả cổ tức lần 3 năm 2020 (*)	-	-	-	(5.077.737.700)	(5.077.737.700)
Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021 (**)	-	-	-	(5.803.128.800)	(5.803.128.800)
Tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2021 (***)	-	-	-	(12.331.648.700)	(12.331.648.700)
Số dư cuối năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	17.422.362.472	19.527.424.969	110.504.951.159

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-HĐQĐ ngày 29/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận các năm như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để phân phối	100,00%	46.515.493.177
Trích Quỹ đầu tư phát triển	25,33%	11.783.519.460
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,40%	650.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 37% vốn điều lệ, trong đó lần 1 được thực hiện trong năm 2020 với tỷ lệ 15% vốn điều lệ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2020/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 09 năm 2020)	57,70%	26.839.470.700
Lợi nhuận chưa phân phối	15,57%	7.242.503.017

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 05 năm 2021, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 đợt 1 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 8%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 800 đồng).

(***) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2021, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 đợt 2 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 17%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.700 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Ông Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Ông Lê Xuân lương	5,56%	4.030.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	40,42%	29.323.280.000	45,98%	33.353.280.000
	100%	72.539.110.000	100%	72.539.110.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	72.539.110.000	72.539.110.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	49.741.500	23.955.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	34.093.381.700	21.761.733.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	15.958.604.200	10.880.866.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	18.134.777.500	10.880.866.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(21.772.035.000)	(21.735.946.500)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(15.972.409.300)	(11.057.252.850)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	(5.799.625.700)	(10.678.693.650)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	12.371.088.200	49.741.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.253.911	7.253.911
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.422.362.472	5.638.843.012
	17.422.362.472	5.638.843.012

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m ²	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m ²	Gia hạn từng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	210.791,64	164.931,96
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Số nợ khó đòi đã xử lý	372.373.344	372.373.344
21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	338.701.636.909	333.532.916.080
Doanh thu bán hàng hóa	3.319.135.645	967.805.921
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	31.392.176.135	19.985.604.893
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.376.696.682	2.917.852.238
	<u><u>376.789.645.371</u></u>	<u><u>357.404.179.132</u></u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u><u>85.179.304.905</u></u>	<u><u>90.186.455.723</u></u>
22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.485.916.572	11.031.398.785
Hàng bán bị trả lại	9.102.306	24.434.792
	<u><u>12.495.018.878</u></u>	<u><u>11.055.833.577</u></u>
23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	258.781.165.946	237.719.058.171
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.833.227.546	859.563.542
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	30.869.301.841	19.327.622.354
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	173.982.009	517.848.600
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.145.472)	243.193.200
	<u><u>292.654.531.870</u></u>	<u><u>258.667.285.867</u></u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	<u><u>14.007.520.408</u></u>	<u><u>10.737.205.014</u></u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)		
24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	96.815.931	439.917.424
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	357.534
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	127.071.892	575.901.482
	<u><u>223.887.823</u></u>	<u><u>1.016.176.440</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	272.803.719	253.697.715
Chiết khấu thanh toán	7.203.397.176	7.060.618.144
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	574.547.616	1.062.501.986
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	20.420.577	62.599.966
Dự phòng tổn thất đầu tư	250.000.000	2.800.000.000
	8.321.169.088	11.239.417.811

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.186.802.493	1.235.030.718
Chi phí nhân công	5.785.118.220	6.228.660.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.115.840	319.049.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.613.388.054	2.085.929.419
Chi phí khác bằng tiền	1.445.472.692	2.079.127.930
	10.323.897.299	11.947.797.578

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.610.461	279.512.046
Chi phí nhân công	7.887.675.024	7.394.480.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.238.272	174.238.272
Thuế, phí, lệ phí	3.203.509.044	3.203.809.044
Chi phí dự phòng	-	342.394.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.179.272	1.228.843.740
Chi phí khác bằng tiền	3.329.315.777	3.795.477.101
	15.664.527.850	16.418.755.530

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	400.000.000	-
Tiền bồi thường thu được	155.944.938	222.812.518
Thu nhập khác	-	17.271.186
	555.944.938	240.083.704
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	555.944.938	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.110.333.147	49.331.289.213
Các khoản điều chỉnh tăng	342.835.327	933.162.847
- Chi phí không hợp lệ	321.464.355	878.641.281
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	21.370.972	54.521.566
Thu nhập chịu thuế TNDN	38.453.168.474	50.264.452.060
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	7.690.633.695	10.052.890.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.852.890.412	1.543.351.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.232.890.412)	(8.743.351.969)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.310.633.695	2.852.890.412

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	30.419.699.452	39.278.398.801
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30.419.699.452	39.278.398.801
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.253.911	7.253.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.194	5.415

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.607.036.955	198.446.649.208
Chi phí nhân công	47.849.469.135	48.577.815.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.964.406.215	6.142.120.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.491.567.326	4.608.341.635
Chi phí khác bằng tiền	7.987.212.220	9.104.921.726
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	311.899.691.851	266.879.848.625

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.129.476.056	-	16.792.455.825	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.585.859.987	(344.969.538)	29.717.930.025	(344.969.538)
	<u>47.715.336.043</u>	<u>(344.969.538)</u>	<u>46.510.385.850</u>	<u>(344.969.538)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			21.870.776.420	-
Phải trả người bán, phải trả khác			27.184.208.621	6.043.527.058
Chi phí phải trả			2.806.903.732	2.286.861.369
			<u>51.861.888.773</u>	<u>8.330.388.427</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.129.476.056	-	-	21.129.476.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.220.890.449	20.000.000	-	26.240.890.449
	<u>47.350.366.505</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>47.370.366.505</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.792.455.825	-	-	16.792.455.825
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.352.960.487	20.000.000	-	29.372.960.487
	<u>46.145.416.312</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>46.165.416.312</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	21.870.776.420	-	-	21.870.776.420
Phải trả người bán, phải trả khác	27.184.208.621	-	-	27.184.208.621
Chi phí phải trả	2.806.903.732	-	-	2.806.903.732
	<u>51.861.888.773</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>51.861.888.773</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.043.527.058	-	-	6.043.527.058
Chi phí phải trả	2.286.861.369	-	-	2.286.861.369
	<u>8.330.388.427</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.330.388.427</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
GP Batteries International Limited Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể Bà Quek Guet Ngoh, ông Nguyễn Thanh Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty và ông Võ Khánh Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc của Công ty đồng thời là các Ủy viên Hội đồng thành viên của Công ty này
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International (Shenzhen) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Acoustics (China) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu	85.179.304.905	90.186.455.723
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	-	4.822.598.780
GPI International Limited	56.178.459.523	67.953.207.247
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	29.000.845.382	17.394.912.594
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	-	15.737.102
Mua hàng	14.007.520.408	10.737.205.014
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	8.331.944.000	8.558.440.000
GPI International Limited	-	407.180.838
GPI International (Shenzhen) Limited	-	1.771.584.176
GP Acoustics (China) Limited	5.675.576.408	-
Thu nhập khác	555.944.938	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	400.000.000	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	155.944.938	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.242.722.456	11.625.150.037
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	2.488.330.267	-
GPI International Limited	3.754.392.189	11.623.454.530
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	-	1.695.507
Phải thu ngắn hạn khác	271.748.442	7.464.688
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.206.120	1.206.120
GPI International Limited	6.258.568	6.258.568
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	264.283.754	-
Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.222.745.992
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	-	1.222.745.992
Phải trả ngắn hạn khác	11.414.608.103	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	7.714.842.003	-
GP Batteries International Limited	3.699.766.100	-

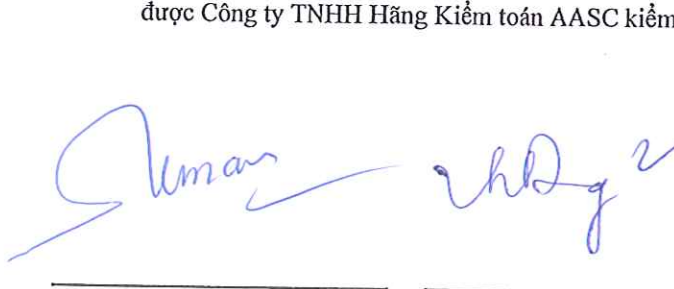
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty:	2.487.381.513	2.467.689.887
Ông Phạm Văn Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	342.219.826	284.994.700
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	532.189.784	534.713.903
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	424.137.510	427.085.532
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	429.330.697	436.101.185
Ông Tsui Wing Fai - Thành viên Hội đồng quản trị	36.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Thanh Quang - Thành viên Hội đồng quản trị	309.089.555	302.584.885
Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát của Công ty	414.414.141	437.209.682

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.





Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 30 /PHN

Độc lập – Tự Do- Hạnh phúc

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế tại BCTC
năm 2021 thay đổi trên 10% so với năm 2020

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD trình bày trên BCTC năm 2021, Công ty cổ phần Pin Hà Nội xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giảm so với năm 2020 như sau:

Lợi nhuận sau thuế đạt: 30,4 tỷ đồng giảm 8,8 tỷ đồng so với năm 2020 tương ứng với 23% do nguyên nhân chủ yếu sau:

Mặc dù đã tăng giá bán sản phẩm trong năm 2021, nhưng giá nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn như Kẽm, MnO₂, Muội...tăng từ 20% đến 50% so với năm 2020. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm mạnh.

Trên đây là giải trình lý do chủ yếu lợi nhuận sau thuế của BCTC năm 2021 giảm so với năm 2020 của Công ty CP Pin Hà Nội.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Đăng Website;
- Lưu HC, TCKT, Thư ký CTy.

Người đại diện theo Pháp luật

